

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/11/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+P1+RC6	7:25	9+11+2	0+0+0		4+14+4	0+0+0	
2		TD5+P1	7:25	21+1	0+0		16+6	0+0	
3		TD3+TD5	7:25	19+3	0+0		15+7	0+0	TD3 hủy dịch giao. 6.0' 6 chs
4		BK14+BK8+P2	9:25	1+8+13	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
5		P7+P2	9:25	2+20	0+0		1+20	0+0	
6		P2+P1+P4	9:25	3+19+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
7		BK15+BK6+BK5	11:25	12+8+1	0+0+0		10+7+5	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2020	TO: BK5 - P1 - RC6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.Anh - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THU	BK5				50	65	D-HANH	Vietnamese
2	HÀN VĂN GIAO	BK5					82	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK5					74	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN KHOA TRƯỜNG	BK5	24	1	4		78	NIPI	Vietnamese
5	PHẦN NGỌC QUYẾT	BK5					75	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	20-21	2	8		75	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN KHÁC QUỐC	BK5	19	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ HUU LINH	BK5	22	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	23	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HUY TÂN	P1	14	1	6		67	YTE	Vietnamese
11	VŨ VIỆT THANH	P1	11-12	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ XUÂN QUY	P1	09	1	9		108	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	03	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VĂN THẮNG	P1	10	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN THẮNG	P1	07	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG DUC TOANH	P1	05	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
17	VI KHÁC THANH	P1	02	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU VĂN TUÂN	P1	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	04	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ DUY KHÁNH	P1	06	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG QUOC HUY	RC6	59-60	2	19	35	79	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH CÔNG	RC6	61	1	14	30	73	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

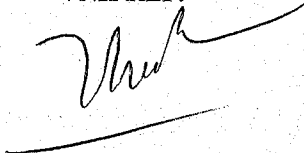
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	9	6	30	663	50	4		
2	P1	11	12	60	792	0	14		
3	RC6	2	3	33	152	65	4		
TOTAL		22	21	123	1.607	115	22		
WEIGHT KG				123	1.607	115			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

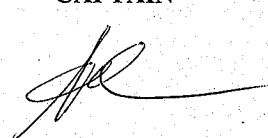
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD5 - P1	CREW: VThắng - MTHAO - QTrưởng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV A.A	TD5	30	1	5	80	83	KHOAN	Russian
2	SADOVNICHENKO D.A	TD5	22	1	12		107	KHOAN	Russian
3	GONCHAROV S.A	TD5	33	1	9		93	KHOAN	Russian
4	NGUYỄN VĂN THỜI	TD5	96	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	88	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THỂ	TD5	34	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	21	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	26	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
9	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	35	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TRINH*PK-PVD	TD5	40	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	TD5	26-27	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VINH DUY	TD5	23-24	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÀO THANH SƠN	TD5	29	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD5	32	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD5	99	1	7		66	ANTOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	45	1	3		75	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN THUẬN	TD5	31	1	8		92	PSV	Vietnamese
18	TRẦN MINH HÙNG	TD5	20	1	5		86	PSV	Vietnamese
19	TRỊNH QUỐC HÙNG	TD5	19	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG MINH	TD5	89	1	7		80	PSV	Vietnamese
21	LƯƠNG ANH HAI	TD5	25	1	5		54	PSV	Vietnamese
22	LÊ QUANG TIỀN	P1	30	1	3	30	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	23	143	1.557	80	16		
2	P1	1	1	3	60	30	6		
TOTAL		22	24	146	1.617	110	22		
WEIGHT KG				146	1.617	110			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: TD3 - TD5	CREW: HUNG - Mạnh - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THỌ	TD3	47	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	46	1	5	56	60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	41	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
4	VÔ VĂN DŨNG	TD3					86	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN HỮU THỌ	TD3	44	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	60	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
7	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	58-59	2	11		92	KHOAN	Vietnamese
8	BUI QUỐC GIA-PVD	TD3	40	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	43	1	5	100	90	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN PHI HUNG	TD3	57	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ MẠNH THĂNG	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG CÔNG THỊNH	TD3	49	1	10	10	76	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN SỸ HOÀN	TD5	73	1	7		64	PSV	Vietnamese
15	BUI VĂN MUỘI	TD5	72	1	7		65	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN DUÂN	TD5	71	1	2		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	13	11	57	969	166	15		
2	TD5	3	3	16	204	0	7		
TOTAL		16	14	73	1.173	166	22		
WEIGHT KG				73	1.173	166			

GRAND TOAL: 1.412 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2020	TO: BK14 - BK8 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.Anh - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

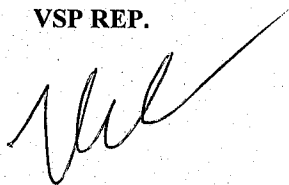
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN KỲ TUẤN	BK14	84-86	3	20	30	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8				10	80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THUAN	BK8	47	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM MINH DƯƠNG	BK8	48	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN THẬP	BK8	51	1	5	10	59	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH SƠN	BK8	50	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ DUY HUYNH	BK8	45	1	6		70	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH SỰ	BK8	46	1	2		68	PSV	Vietnamese
9	PHẠM TUẤN VIỆT	BK8	49	1	9		90	DK9	Vietnamese
10	BAGRAMOV A.	P2	81	1	9	20	98	KH-THAC	Russian
11	ĐẶNG BA ĐIỀU	P2	40	1	3		58	YTE	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN LINH	P2	16	1	5	18	60	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	P2	79	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	P2	83	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM QUỐC HIỀN	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC HUY	P2	78	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN BA ĐỒNG	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	39	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU VĂN TÚ	P2	82	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN HIẾU	P2	15	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ VĂN NAM	P2	80	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

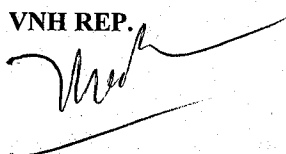
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	1	3	20	80	30	0		
2	BK8	8	7	34	593	20	5		
3	P2	13	11	50	889	38	17		
TOTAL		22	21	104	1.562	88	22		
WEIGHT KG				104	1.562	88			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: P7 - P2	CREW: VThắng - MTHAO - QTrưởng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH DŨNG	P7	71	1	8	20	88	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG SY NGOC	P7	75	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	36	1	5	60	78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	28	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	42	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	41	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI THỌ DŨNG	P2	31-32	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN HÙNG	P2	33	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN QUYỀN	P2	38	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	37	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HOANG GIANG	P2	23	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
12	K. LING	P2	25	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TẶNG MẠNH HẠ	P2	22	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	35	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TUÔNG ANH CẠC	P2	24	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ SINH TÂM	P2	26	1	5		93	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ NGỌC DŨNG	P2	27	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN KHÁC LAM	P2	29	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	34	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG HÙNG	P2	30	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
21	KHÔNG TIẾN DŨNG	P2	43	1	4		75	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN DUÂN	P2	39-40	2	12		67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	2	2	15	151	20	1		
2	P2	20	22	137	1.380	60	21		
TOTAL		22	24	152	1.531	80	22		
WEIGHT KG				152	1.531	80			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: P2 - P1 - P4	CREW: HUNG - Mạnh - Luy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARTIUSHIN	P2	07	1	16		93	ANTOAN	Russian
2	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	01-02	2	12		62	NIPI	Vietnamese
3	BUI MINH TRI	P2	03-04	2	15		80	T-TIN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH NAM	P2	05-06	2	12		62	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	45	1	16		72	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN TỰ	P1	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HỮU CHUNG	P1	41	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	43	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI HUY NGHIỆP	P1					74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG THO	P1					82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	37	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO ĐĂNG PHONG	P1	31	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG YẾN	P1	40	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MINH HIẾU	P1	39	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	38	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1					60	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH BA NINH	P1	35	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM PHÚ BÌNH	P1	42	1	5		63	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG THỊNH	P1	36	1	5		77	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN LINH	P1	33-34	2	7		72	PSV	Vietnamese
21	KIỀU TUẤN ANH	P1	46	1	10		70	DK9	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC ANH	P1	44	1	9		80	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	7	55	297	0	0		
2	P1	18	16	116	1.264	0	19		
3	P4	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	23	171	1.561	0	22		
WEIGHT KG				171	1.561	0			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: BK15 - BK6 - BK5	CREW: Hạnh - NPhú - THỤ	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK15	63	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM ĐỀ	BK15	56	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN CHÍ HÀ	BK15	60	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	BK15	59	1	20	8	62	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG XUAN HUY	BK15	65-66	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
6	NHÂM NGỌC THANH	BK15	57-58	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU TRUNG	BK15	73-74	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN Y	BK15	61-62	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG TỊNH	BK15	67-68	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VAN LAM	BK15	71-72	2	17		81	XAYLAP	Vietnamese
11	HINH NGOC GIANG	BK15	69-70	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG VAN PHUONG	BK15	64	1	3		60	PSV	Vietnamese
13	BUI VAN VIET	BK6	85	1	9		67	SINH HUN	Vietnamese
14	VU TRỌNG TỰ	BK6	83-84	2	16		60	SINH HUN	Vietnamese
15	LÊ NGỌC AN	BK6	86-87	2	13		77	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU QUYNH AN	BK6	88	1	5		105	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG ĐỨC LINH	BK6	81-82	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ĐÌNH TUẤN	BK6	89	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHI VĂN TỰ	BK6	90	1	8		61	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	24	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	LE VAN LONG	BK5	28	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	12	19	180	823	8	10		
2	BK6	8	11	68	555	0	7		
3	BK5	1	1	5	79	0	5		
TOTAL		21	31	253	1.457	8	22		
WEIGHT KG				253	1.457	8			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN